

Số: 992 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 1220.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Ys. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 19/11/2018

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 19/11/2018

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	20/11/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	20/11/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,56	2	20/11/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,33	0,3 - 0,5	19/11/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	178,00	250,00	20/11/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	160,00	300,00	20/11/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,64	2	20/11/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	5,98	15	20/11/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	20/11/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	20/11/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,66	50	20/11/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	20/11/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,10	6,5 - 8,5	20/11/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,12	0,3	20/11/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	31,3	250	20/11/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1220.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CN. HỨA THUỶ NGÂN

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 11 năm 2018

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9308 - 13014 (E) (*)	0	0	30/11/2018
2	Escherichia coli (CFU/100ml)	ISO 9308 - 13014 (E) (*)	0	0	30/11/2018
3	Chỉ số fecal coliform (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (*)	0,56	3	30/11/2018
4	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-E-2012	0,33	0,3 - 0,5	19/11/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-B-2012 (*)	128,00	250,00	30/11/2018
6	Bộ công tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2300 - 2012 (*)	160,00	300,00	30/11/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,66	2	30/11/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2150C - 2012 (*)	5,98	15	30/11/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B-2012 (*)	0,06	0,3	30/11/2018
10	Môi trường	Không có mức vi là	Không có mức vi là	Không có mức vi là	30/11/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	0,66	50	30/11/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500 - NO ₂ -B-2012 (*)	Không phát hiện	3	30/11/2018
13	pH	TCVN 6180-2011 (*)	7,10	6,5 - 8,5	30/11/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B-2012 (*)	0,12	0,3	30/11/2018
15	Sulfat (mg/L)	SMEWW 473 C - 2012	31,3	250	30/11/2018

Số: 993 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 1221.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Ys. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Lê Thị Thắm, số 104, ấp Giồng Giữa, TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 19/11/2018

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 19/11/2018

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	20/11/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	20/11/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,48	2	20/11/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - CI F-2012	0,39	0,3 - 0,5	19/11/2018
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,67	2	20/11/2018
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	4,87	15	20/11/2018
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	20/11/2018
8	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,13	0,3	20/11/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

(Signature)

CN. HỨA THUỶ NGÂN

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 11 năm 2018



BS. CKII. Võ Quang Hà